



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0005072.25
MSM: VT.25.2421.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIỀN HÙNG-B1
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiền Hùng, phường Mỹ Xuân, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 04/06/2025
Ngày trả kết quả : 14/06/2025

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	30,0	40
2	Độ màu ^(#)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	< 5	50
3	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	6,69	6 + 9
4	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	6	27
5	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	15	67,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	< 5	45
7	Asen (As) ^(#)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	< 0,00050	0,045
8	Thủy ngân (Hg) ^(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	0,0045
9	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,09
10	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,045
11	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(#)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,0030	0,045
12	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,003	0,18
13	Đồng (Cu) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,030	1,8
14	Kẽm (Zn) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,020	2,7
15	Niken (Ni) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,18
16	Mangan (Mn) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,24	0,45
17	Sắt (Fe) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,51	0,9
18	Tổng xyanua (CN) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	< 0,0015	0,063
19	Tổng phenol ^(#)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	< 0,0020	0,09
20	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 1,2	4,5
21	Sulfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,040	0,18





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
22	Florua (F ⁻) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,77	4,5
23	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	1,03	4,5
24	Tổng Nitơ ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	8,68	18
25	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,90	3,6
26	Clorua (Cl ⁻) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500.Cl ⁻ .B:2023	107,4	450
27	Clo dư ^(*)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	< 0,03	0,9
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2021	< 0,0100	0,1
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2021	< 0,30	1
30	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8	3.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung (N 10°38,603; E 107°4,177);;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- ^(*): Thông số được chứng nhận Vilas;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0005643.25
MSM: VT.25.2421.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIỀN HÙNG-BI
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiền Hùng, phường Mỹ Xuân, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 04/06/2025
Ngày trả kết quả : 23/06/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
1	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	< 0,00050	0,045
2	Thủy ngân (Hg) ^(*)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	0,0045
3	Chì (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,09
4	Cadimi (Cd) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,045

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung (N 10°38,603; E 107°4,177);
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- ^(*): Thông số được chứng nhận Vilas.
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0005073.25
MSM: VT.25.2421.BT01

Tên mẫu : Bùn thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIỀN HÙNG-B1
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiền Hùng, phường Mỹ Xuân, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 04/06/2025
Ngày trả kết quả : 14/06/2025

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT01	Ngưỡng nguy hại
1	pH	-	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9040D	6,87	≤ 2 hoặc ≥ 12,5

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT01	Hàm lượng tuyệt đối Htc, T = 0,18
1	Asen (As)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	< 0,10	8,84
2	Bari (Ba)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	305,7	442
3	Bạc (Ag)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	< 1,5	22,1
4	Cadimi (Cd)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	< 0,009	2,21
5	Chì (Pb)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	6,6	66,3
6	Coban (Co)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	< 1,5	353,6
7	Kẽm (Zn)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	67,0	1.105
8	Niken (Ni)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	157,7	309,4
9	Selen (Se)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	< 0,15	4,42
10	Thủy ngân (Hg)	ppm	US EPA Method 7471B	< 0,060	0,884
11	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	ppm	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	< 2,0	22,1
12	Tổng xyanua (CN ⁻)	ppm	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014	< 5,0	130,39
13	Phenol ⁽¹⁾	ppm	US EPA Method 3540C + US EPA Method 3650B + US EPA Method 8041A	< 1,4	4.420



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT01	Hàm lượng tuyệt đối Htc, T = 0,18
14	Tổng dầu	ppm	US EPA Method 9071B	337,7	221
15	Benzen	ppm	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D	< 0,025	2,21

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT01	Nồng độ ngâm chiết Ctc
1	Tổng dầu	mg/L	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520B&F:2023	8,4	50

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả;
- (1) Thông số được phân tích bởi Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm Thực phẩm và Môi trường Navitek, Vimcerts 304;
- BT01: Bùn phát sinh từ nhà máy xử lý (N 10o38,596; E 107o4,205);;
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu

